

Số: 2757 /VP-KTTH

V/v thẩm định, phê duyệt danh mục và
dự toán chuẩn bị đầu tư dự án

Hà Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Tờ trình số 65/TTr-BDT ngày 8 tháng 12 năm 2023 của Ban Dân tộc tỉnh về việc thẩm định, phê duyệt danh mục và dự toán chuẩn bị đầu tư dự án: “Đầu tư hệ thống hợp trục tuyến, có đường truyền chuyên biệt tại Ban Dân tộc tỉnh”.

Sau khi nghiên cứu nội dung và căn cứ vào các quy định của pháp luật có liên quan. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển Tờ trình số 65/TTr-BDT ngày 8 tháng 12 năm 2023 của Ban Dân tộc tỉnh nêu trên về Ban Dân tộc, vì nội dung trình thẩm định, phê duyệt danh mục và dự toán chuẩn bị đầu tư dự án: “Đầu tư hệ thống hợp trục tuyến, có đường truyền chuyên biệt tại Ban Dân tộc tỉnh” không đúng các quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ban Dân tộc chủ động liên hệ, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Tài chính để được hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định. Kịp thời báo cáo, đề xuất các nội dung liên quan thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh (ptk);
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Lao động TB&XH;
- Chánh VP, Phó VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-CB tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Triệu Sơn An

Số: 65/TTr-BDT

Hà Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định, phê duyệt danh mục và dự toán chuẩn bị đầu tư dự án: “Đầu tư hệ thống họp trực tuyến, có đường truyền chuyên biệt tại Ban Dân tộc tỉnh”

Kính gửi: UBND tỉnh Hà Giang

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về phân bổ vốn đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về Chuyển đổi số trong quản lý, tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2022 và 2023 thực hiện Dự án 10 (tiểu dự án 2) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn giao cấp tỉnh);

Căn cứ văn bản số 2843/CV-HĐTĐ ngày 30/11/2023 của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, (Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh Hà

Giang) về việc thẩm định danh mục và dự toán chuẩn bị đầu tư các dự án lĩnh vực công nghệ thông tin thuộc Chương trình Mục tiêu giảm nghèo bền vững;

Ban Dân tộc tỉnh kính trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục và dự toán chuẩn bị đầu tư dự án: “Đầu tư hệ thống họp trực tuyến, có đường truyền chuyên biệt tại Ban Dân tộc tỉnh” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin dự án

- Tên dự án: Đầu tư hệ thống họp trực tuyến, có đường truyền chuyên biệt tại Ban Dân tộc tỉnh.

- Phạm vi thực hiện:

+ Đầu tư, nâng cấp Hệ thống phòng họp thành phòng họp trực tuyến phục vụ Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia; Đường truyền chuyên biệt phục vụ Hệ thống điều hành, hệ thống thông tin phục vụ Chương trình. Triển khai đầu tư Phòng họp trung tâm tại cơ quan thường trực Chương trình cấp tỉnh. Ban Dân tộc có nhiệm vụ đầu tư/ nâng cấp/ tích hợp thiết bị đầu cuối và phòng họp tại địa phương đáp ứng chuẩn kết nối theo hướng dẫn của Ủy ban dân tộc;

+ Xây dựng và nâng cấp phòng họp trực tuyến tại cơ sở và phòng họp trực tuyến cấp tỉnh đảm bảo kết nối liên thông từ trung ương xuống cơ sở;

+ Thuê đường truyền chuyên biệt phục vụ Hệ thống điều hành, Hệ thống thông tin phục vụ Chương trình.

- Thời gian thực hiện: 2023-2024

- Tổng mức đầu tư: 1.879.290.000 (Một tỷ, tám trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng).

(Có Phụ lục 3 kèm theo)

2. Dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư dự án đề nghị phê duyệt:

- Tổng dự toán đề nghị phê duyệt: 45.281.125 (Bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng).

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: 28.964.485 đồng

+ Chi phí thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật: 2.160.000 đồng

+ Chi phí thẩm định giá: 14.156.640 đồng.

(Có Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo)

- Nguồn kinh phí thực hiện: Vốn chuẩn bị đầu tư giao tại Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2022 và 2023 thực hiện Dự

án 10 (tiểu dự án 2) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn giao cấp tỉnh).

Ban Dân tộc trình UBND tỉnh Hà Giang xem xét ra quyết định phê duyệt danh mục và dự toán chuẩn bị đầu tư dự án “Hệ thống hợp trục tuyến, có đường truyền chuyên biệt tại Ban Dân tộc tỉnh” Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2023” /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban và các PT Ban;
- Phòng NVCTDT, Văn phòng;
- Lưu: VT, VP.

Tuol



Triệu Trung Hiệp

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ DỰ ÁN
“Đầu tư hệ thống hợp trực tuyến, có đường truyền chuyên biệt tại Ban Dân tộc tỉnh”
(Kèm theo Tờ trình số 65 /TTr-BDT ngày 08/12/2023 của Ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
1	Tư vấn khảo sát và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	28.964.485	Phụ lục 2
2	Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật	2.160.000	Phụ lục 2
3	Tư vấn thẩm định giá	14.156.640	Phụ lục 2
TỔNG CỘNG		45.281.125	

PHỤ LỤC 2
DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
“Đầu tư hệ thống họp trực tuyến, có đường truyền chuyên biệt tại Ban Dân tộc tỉnh”
(Kèm theo Tờ trình số 65 /TTr-BDT ngày 08/10/2023 của Ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Tư vấn khảo sát và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	Lần	1	28.964.485	28.964.485	Bảng số 2, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông
	Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật	Lần	1	2.160.000	2.160.000	Bảng số 4 QĐ 1688/QĐ-BTTTT (Tối thiểu 2.000.000 đồng chưa VAT)
	Tư vấn thẩm định giá	Lần	1	14.156.640	14.156.640	Tham khảo thẩm định giá thị trường
TỔNG CỘNG					45.281.125	

(Bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng./.)

PHỤ LỤC 03
TỔNG HỢP KHAI TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN
“Đầu tư hệ thống họp trực tuyến, có đường truyền chuyên biệt tại Ban Dân tộc tỉnh”
(Kèm theo Tờ trình số 65 /TTr-BDT ngày 08/12/2023 của Ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Đồng

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU/ DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	GHI CHÚ
I	Chi phí thiết bị	Gtb	1.638.500.000	132.580.000	1.771.080.000	
1	Chi phí thiết bị phòng họp trực tuyến tại BDT	G1	1.563.500.000	125.080.000	1.688.580.000	
2	Chi phí đường truyền chuyên biệt	G2	75.000.000	7.500.000	82.500.000	
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	34.724.710	2.777.977	37.503.000	
III	Chi phí tư vấn	Gtv	47.044.898	3.763.591	50.808.485	
1	Chi phí khảo sát và lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật	TV1	26.818.968	2.145.517	28.964.485	
2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật	TV2	2.000.000	160.000	2.160.000	
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	TV3	5.000.000	400.000	5.400.000	
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm thiết bị	TV4	2.000.000	160.000	2.160.000	
5	Chi phí giám sát thi công	TV5	11.225.930	898.074	12.124.000	
IV	Chi phí khác	Gk	18.424.088	1.473.927	19.898.015	
1	Chi phí thẩm định giá		13.108.000	1.048.640	14.156.640	
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		6.863.876	549.110	7.412.986	
3	Chi phí kiểm toán độc lập		11.560.212	924.816	12.485.029	
	Tổng chi phí (Làm tròn)		1.738.694.000	140.595.000	1.879.290.000	